

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam tại Văn bản số 45/06/25/CV-JCV ngày 18/6/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 443/TTr-SNNMT ngày 23/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, địa chỉ tại xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Cơ sở Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù tại xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2500175548, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cũ (*nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ*) cấp đăng ký lần đầu ngày 29/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/4/2022.

1.4. Mã số thuế: 2500175548

1.5. Loại hình sản xuất: Chăn nuôi gia cầm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở có diện tích 204.643 m² tại xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB762879; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00740/QSĐĐ/91/QĐ-TNMT ngày 28/4/2008.

- Quy mô: cơ sở thuộc nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); nhóm III phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Công suất sản xuất: Cung cấp 11.000.000 con gà giống thịt thương phẩm 01 ngày tuổi (*được tạo ra từ 108.700 con gà giống bố mẹ*).

- Quy trình sản xuất:

Con giống → Giai đoạn hậu bị (1-24 tuần) → Giai đoạn đẻ trứng (25-70 tuần) → Trứng đạt yêu cầu được chuyển về các nhà máy ấp trứng của Công ty; Trứng không đạt yêu cầu bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 254/GP-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ngành: NNMT, XD, Công Thương, Tài chính;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Đạo Trù;
- Trung tâm TTCTB (Công TTĐT tỉnh) đăng tải;
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam;
- Lưu: VT, NN2._(ĐDH)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- *Nguồn số 1:* Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, vệ sinh của người lao động tại cơ sở.

- *Nguồn số 2:* Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh khử trùng phương tiện và người ra, vào cơ sở; nước thải từ công tác mổ khám và quá trình vệ sinh các nhà nuôi gà.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Phân Lân thuộc thôn Phân Lân, xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tọa độ điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰):

$$X = 2380813 \text{ (m)} \quad Y = 555037 \text{ (m)}$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường với lộ trình áp dụng như sau:

a) *Từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031:* Các chất ô nhiễm phải được xử lý đạt giới hạn cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, K_q = 0,9; K_f = 1,3).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, K _q = 0,9; K _f = 1,3	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Độ pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	≤ 117		
3	COD	mg/l	≤ 351		
	hoặc TOC	mg/l	-		
4	TSS	mg/l	≤ 175,5		

5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	$\leq 175,5$	định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)	tục theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	-		
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CPU/100ml	≤ 5.000		

b) Từ ngày 01/01/2032 đến ngày giấy phép môi trường này hết hiệu lực:
 Các chất ô nhiễm phải được xử lý đạt giới hạn cho phép theo áp dụng QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, Bảng 1).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 62:2025/BTNMT, cột B, Bảng 1	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 150		
	hoặc TOC	mg/l	≤ 70		
4	TSS	mg/l	≤ 100		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 60		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 14		
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CPU/100ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để

đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ khu vực nhà văn phòng, nhà ở công nhân, nhà bảo vệ được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC D42-D110 vào 3 bể tự hoại 3 ngăn (*thể tích 5m³/bể, tổng thể tích 15m³*) để xử lý sơ bộ. Sau đó, được dẫn theo đường ống nhựa PVC D42-D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 30 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ quá trình khử trùng người và phương tiện ra, vào cơ sở: Được thu gom bằng hệ thống đường ống ngầm HDPE D32-D63 và PVC D42-D90 vào bể gom thể tích 3m³, sau đó được bơm theo đường ống HDPE D40 dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 30m³/ngày đêm.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà nuôi gà: được thu gom tự chảy theo các đường ống nhựa PVC D90 (*được tháo lắp di động giữa các nhà nuôi gà trong quá trình vệ sinh*) và bơm vào các đường ống HDPE 40 đặt trong đường rãnh hở xây gạch dọc theo các đầu nhà gà về hố thu BTCT thể tích 6,16m³. Sau đó, nước thải được bơm vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 30m³/ngày đêm.

- Nước thải phát sinh từ phòng mổ khám (*phát sinh không thường xuyên*) được lưu giữ trong thùng chứa, sau đó được vận chuyển đến hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 30m³/ngày đêm.

- Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường được xả ra suối Phân Lân qua 01 điểm xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- *Tóm tắt quy trình:* Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Suối Phân Lân.

- *Công suất thiết kế:* 30 m³/ngày đêm.

- *Hóa chất sử dụng:* NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát hệ thống xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh thì phải có biện pháp để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải theo định kỳ;

- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước, cống thoát nước để tránh hiện tượng tắc cống.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động nếu cần thiết để khắc phục. Chỉ tiến hành hoạt động trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải được hoàn toàn khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (*Cơ sở đã có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 254/GP-UBND ngày 28/01/2021 và có thời hạn đến ngày 28/01/2026*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh: Phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Điểm phát sinh	Ký hiệu	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000)	
			X (m)	Y (m)
1	Khu vực Nhà gà A1	Y1	2381024	0554751
2	Khu vực Nhà gà A2	Y2	2381059	0554747
3	Khu vực Nhà gà A3	Y3	2381096	0554745
4	Khu vực Nhà gà A4	Y4	2381117	0554735
5	Khu vực Nhà gà B1	Y5	2380974	0554763
6	Khu vực Nhà gà B2	Y6	2380947	0554763
7	Khu vực Nhà gà B3	Y7	2380922	0554931
8	Khu vực Nhà gà B4	Y8	2380890	0554936
9	Khu vực Nhà gà C1	Y9	2380970	0555057
10	Khu vực Nhà gà C2	Y10	2380997	0555053
11	Khu vực Nhà gà C3	Y11	2381042	0555050
12	Khu vực Nhà gà C4	Y12	2381073	0555046
13	Khu vực máy phát điện dự phòng	Y13	2380856	0555016
14	Máy bơm khu vực xử lý nước thải tập trung.	Y14	2380872	0555091

2. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026:

a) Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

2.2. Từ ngày 01/01/2027 đến ngày giấy phép môi trường này hết hiệu lực: Giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bố trí nhà nuôi gà cách xa các khu vực dân cư, nơi làm việc; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc; Trồng cây xanh xung quanh để giảm ồn ra khu vực xung quanh,....

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống quạt hút tại các Nhà gà; thường xuyên kiểm tra các chi tiết, thay thế dầu bôi trơn....

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm có chất thải sắc nhọn)	13 02 01	Rắn	NH	9
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	10
3	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	52
Tổng					71

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

TT	Nguồn phát thải	Mã chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	56
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	KS	21
3	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	143
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (thủy tinh, composite, cao su,...)	18 01 04	Rắn	KS	83
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	11
Tổng					314

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phân gà và chất độn chuồng	101.114
2	Gà chết do cơ học	7.740
3	Bạt rải chuồng úm	160
4	Các loại chất thải khác (bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, vật tư chăn nuôi hỏng...)	310
Tổng		109.324

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 8.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa: Kết cấu khung bê tông cốt thép, mái lợp tôn, nền đổ bê tông sơn chống thấm thấu, cửa thép. Khu lưu giữ được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều. Ngoài ra còn bố trí thùng chứa bằng nhựa cứng composite dung tích 90 - 120 lít để chứa tạm thời chất thải nguy hại.

- Diện tích khu chứa: 10 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu chứa: Kết cấu nền bê tông dày 150mm, có rãnh và hố thu nước khi vệ sinh. Đồng thời, khu vực được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định. Ngoài ra, còn bố trí các thùng chứa chuyên dụng dung tích 60 - 240 lít có nắp đậy để chứa tạm thời chất thải công nghiệp thông thường.

- Diện tích khu chứa: 53m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu chứa: Kết cấu nền bê tông dày 150mm, có rãnh và hố thu nước khi vệ sinh. Đồng thời, khu vực được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định. Ngoài ra, bố trí thùng rác loại có dung tích 10 lít – 60 lít phát sinh từ khu vực

nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà ở công nhân để chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt.

- Diện tích khu chứa: 10m².

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: Gà chết do dịch bệnh.

- Khối lượng chất thải tự xử lý: Dự kiến khoảng 105.000 kg/đợt.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Xác gà chết do bệnh được cho vào bao ni lon và buộc kín, sau đó đưa về hố chôn lấp → Rải lớp vôi bột xuống phía dưới hố theo tỷ lệ 1kg vôi/m² → Cho bệnh phẩm xuống sau đó rắc vôi bột lên trên và đậy nắp hố chôn lại → Phun thuốc sát trùng xung quanh khu vực hố chôn, hoàn tất quá trình tiêu hủy.

- Công suất thiết kế: sử dụng 04 hố hủy gà, thể tích 54m³/hố; đảm bảo chôn lấp theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật và Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn (*được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019*)

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Loại chất thải tự xử lý: gà chết do cơ học và phân gà và chất độn chuồng.

- Khối lượng chất thải tự xử lý:

+ Gà chết do cơ học: 7.740 kg/năm.

+ Phân gà và chất độn chuồng: 101.114 kg/năm.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Đối với gà chết do cơ học (*được xử lý như đối với gà bị dịch bệnh tại hố hủy gà*): Xác gà chết được cho vào bao ni lon và buộc kín, sau đó đưa về chôn lấp → Rải lớp vôi bột xuống phía dưới hố theo tỷ lệ 1kg vôi/m² → Cho bệnh phẩm xuống sau đó rắc vôi bột lên trên và đậy nắp hố chôn lại → Phun thuốc sát trùng xung quanh khu vực hố chôn, hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Đối với phân gà và chất độn chuồng: tiến hành phun thuốc sát trùng và thuốc diệt côn trùng → Thu dọn sạch sẽ → Đóng bao → Chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Công trình phòng cháy, chữa cháy: Xây dựng 02 bể chứa nước phục vụ chữa cháy với tổng thể tích 169m³. Tường bể và nắp bể đổ bê tông cốt thép, đáy

bể đồ bê tông, xung quanh quét xi măng chống thấm và đã trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố dịch bệnh; sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong báo cáo. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.